

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 5 - 2019

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiêm

Bà Trịnh Thị Kim Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2019 về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ G, sinh năm 1991

Địa chỉ: Slovakia.

2/ Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Trnava Slovakia

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lê Bảo C, sinh ngày 28/10/2013;

Người giám hộ cho cháu C là anh Lê Văn N (bố đẻ);

4/ Người làm chứng:

- Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện T1, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1971;

Địa chỉ: thôn P, xã P1, thành phố H1, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T1, tỉnh Hưng Yên. Anh

chị sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trước khi kết hôn không tìm hiểu kỹ về nhau mà chỉ do mọi người giới thiệu, làm quen dẫn đến kết hôn chứ thực tế trước khi cưới chưa có tình yêu với anh N. Chính vì điều đó về sống với nhau chị đã phải cố gắng cho cuộc sống êm đẹp nhưng rồi cũng không thể hòa hợp. Năm 2016 chị cùng anh N đi ra nước ngoài, anh chị sang Slovakia sống cùng nhau khoảng vài tháng thì ly thân, chị và con đi thuê nhà ở chỗ khác để có thời gian suy nghĩ. Trong gần 2 năm ly thân anh chị không thể cải thiện được tình cảm, cả hai không có tiếng nói chung, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng hơn. Anh N thường xuyên bạo hành đánh đập chị, do không chịu được chị đã phải về nước từ tháng 12/2018. Trước khi về chị có nói chuyện với anh N về việc xin ly hôn, anh N nhất trí ly hôn, nên đề nghị Tòa cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 cháu là Lê Bảo C, sinh ngày 28/10/2013, cháu đang ở cùng chị, khi chị về Việt Nam thì cháu ở cùng anh N. Ly hôn chị xin được nuôi cháu không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị G xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh N không ở Việt Nam nên chị đề nghị Tòa án không công khai tiếp cận chứng cứ. Vì lý do công việc, chị G đề nghị Tòa án được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Chị ủy quyền cho bà Vũ Thị T2, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn P, xã P1, thành phố H1, tỉnh Hưng Yên, nhận văn bản của Tòa án.

Bị đơn anh Lê Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị G kết hôn như chị G trình bày là đúng. Anh chị được tự do tìm hiểu, kết hôn xong anh và chị G sống cùng nhau 4 tháng tại gia đình bố mẹ anh. Vì điều kiện công việc và kinh tế, anh tiếp tục sang Slovakia làm ăn. Đến ngày 28 tháng 10 năm 2013 chị G sinh cháu Bảo C. Ngày 06/06/2015 anh lo cho chị G sang Slovakia nuôi ăn và học nghề đến hết năm 2017. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do khi chị G về Việt Nam học lái xe ô tô thì chị G có mối quan hệ ngoài luồng với thầy dạy lái xe. Anh đã tha thứ nhưng vẫn cứ liên lạc qua lại với nhau. Chị G làm đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn theo mong muốn của chị G.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lê Bảo C sinh ngày 28 tháng 10 năm 2013, chị G xin nuôi con anh không đồng ý với lý do: Bản thân chị G hiện không có nhà cửa, công việc không ổn định, đồng lương không đủ nuôi cháu Bảo C. Anh xin nuôi con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Đề nghị chị G trả lại anh toàn bộ số tiền lo cho chị G sang Slovakia và tiền nuôi ăn học.

Anh xác định vì điều kiện công việc anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Vũ Thị T2 mẹ đẻ chị G trình bày: Chị G và anh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2012. Hai anh chị sống với nhau hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh N hay đánh chị G. Năm 2007 anh N đi nước ngoài làm ăn, vợ chồng thường xuyên xa nhau. Đến tháng 6/2015 chị G đi cùng anh N, hai anh chị sống cùng nhau nhưng thường cãi nhau, không hạnh phúc. Tháng 01/2018 bà có sang Slovakia chơi với anh chị, bà trực tiếp chứng kiến vợ chồng chị G thường xuyên mâu thuẫn, anh N đánh chị G nhiều lần. Trong thời gian ở cùng 02 tháng bà thấy hai anh chị sống cùng nhau nhưng không còn quan hệ tình cảm, kinh tế độc lập. Nay chị G xin ly hôn anh N bà cũng nhất trí vì xác định vợ chồng anh chị không thể sống cùng nhau được.

Ông Lê Mạnh H là bố đẻ của anh Lê Văn N trình bày: Anh N, chị G kết hôn ngày 14/12/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T1. Trước khi kết hôn anh N chị G được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị sống tại gia đình ông 4 tháng vì điều kiện công việc và kinh tế nên anh N tiếp tục sang sống và làm việc tại Slovakia. Đến ngày 28/10/2013 chị G sinh cháu Lê Bảo C. Ngày 06/06/2015 anh N đón chị G sang Slovakia nuôi ăn học. Khi anh N chị G sinh sống tại Slovakia để lại cháu Bảo C ở nhà cho ông chăm sóc đến tháng 4/2018 cháu Bảo C sang ở cùng bố mẹ, hiện nay cháu đang ở với bố là anh Lê Văn N. Đến tháng 11/2017 thì chị G về Việt Nam học đăng ký lái xe ô tô, sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nay chị G xin ly hôn anh N ông cũng nhất trí, ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì.

Các bên đương sự đều đề nghị Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ G và bị đơn anh Lê Văn N đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai của các bên đương sự, đơn xin xét xử vắng mặt của chị G, anh N. Lời khai của những người làm chứng cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành quy định của tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ G. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị Lệ G được ly hôn anh Lê Văn N. Về con chung: giao cháu Lê Bảo C cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của anh N không đề nghị chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về

tài sản: Các đương sự không đề nghị nên không giải quyết. Về án phí: Chị G phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ G xin ly hôn anh Lê Văn N đều có hộ khẩu tại thôn L, xã T, huyện T1, tỉnh Hưng Yên, hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Trnava Slovakia (Số hộ chiếu của chị Nguyễn Thị Lệ G là: B cấp ngày 10/9/2014 có giá trị đến ngày 10/9/2024, anh Lê Văn N là: N ngày cấp 06/06/2012 có giá trị đến ngày 06/06/2022). Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 22, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyền số 01/2012 ngày 14/12/2012 ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Hưng Yên thì quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Lệ G và anh Lê Văn N là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhau 4 tháng thì anh N tiếp tục sang Slovakia làm ăn. Cuối năm 2016 chị G ra nước ngoài cùng anh N, quá trình chung sống tại nước ngoài thường xuyên mâu thuẫn. Theo chị G thì anh chị sống hạnh phúc một thời gian phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống. Sau đó anh chị sống ly thân nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm, cả hai không có tiếng nói chung, mâu thuẫn càng thẳng hơn. Tháng 12/2018 chị G đã về nước vì anh N thường xuyên bạo hành đánh đập chị. Còn anh N thì cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do khi chị G về Việt Nam học lái xe ô tô có mối quan hệ ngoài luồng với thầy dạy lái xe. Anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai anh chị xảy ra thời gian dài nhưng không được hai bên giải quyết, vợ chồng không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, không tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm. Như vậy mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị G có đơn xin ly hôn, anh N cũng đồng ý nên giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

[2.2]. Về con chung:

Anh chị có 01 con chung là Lê Bảo C sinh ngày 28 tháng 10 năm 2013. Hiện nay cháu C đang ở cùng anh N. Cả hai anh chị đều đề nghị được nuôi cháu C và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay chị G không có chỗ ở, công việc ổn định. Hiện tại cháu C đang sinh sống ổn định cùng anh N, anh N có đủ điều kiện để nuôi cháu C hơn chị G. Do vậy, để ổn định cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu, nên giao cháu C cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị G xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh N có yêu cầu chị G trả tiền anh nuôi ăn học, nhưng anh N cũng không đưa ra số tiền cụ thể và các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên tại phiên tòa hôm nay không có căn cứ xem xét yêu cầu của anh N. Sau này nếu có đủ căn cứ, anh N có yêu cầu sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Lệ G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Lệ G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ G được ly hôn anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo C, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2013 cho anh Lê Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị Nguyễn Thị Lệ G phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Lệ G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ G phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ chị G đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2014/0000179 ngày 22/02/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (chị G đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh HY;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh